

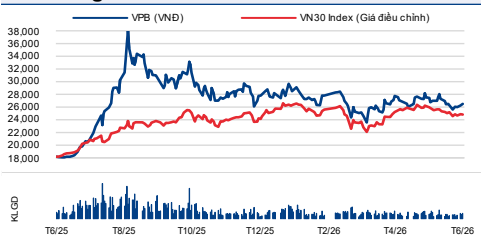
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 39.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/6/2026)	26,400
Mã Bloomberg	VPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,029-37,974
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,375
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	209,456
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,957
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,934
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,380
Slg CP NN được mua (tr.đv)	406
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.9%
Tỷ lệ freefloat	58.3%
Cổ đông lớn	lũng, người liên quan (19.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,260	1,583	1,963
Dư nợ cho vay (ntđ)	945	1,185	1,525
Tổng thu nhập HD (ntđ)	74.5	88.6	109
Lợi nhuận thuần (ntđ)	24.0	28.9	36.8
BVPS (đồng)	21,163	24,357	28,555
EPS (đồng)	3,024	3,648	4,633
DPS (đồng)	500	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	36.3	25.3	28.7
T.trưởng thu nhập HD (%)	19.6	19.0	23.0
Tăng trưởng EPS (%)	52.1	20.7	27.0
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	16.5	13.7	10.8
ROAE (%)	15.5	16.0	17.5
ROAA (%)	2.20	2.04	2.07
Tỷ lệ NIM (%)	5.56	5.17	5.13
Tỷ lệ CIR (%)	24.8	22.8	21.7
Hệ số CAR (%)	14.3	12.8	11.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.33	3.25	3.11
LLR/nợ xấu (%)	55.4	53.4	54.1
Hệ số LDR (%)	151	149	147
P/B (lần)	1.25	1.08	0.92
P/E (lần)	8.73	7.24	5.70
Lợi suất cổ tức (%)	1.89	1.89	1.89

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VPB hiện có quy mô tổng tài sản lớn thứ hai trong nhóm các NH tư nhân. Với chiến lược xây dựng một NH đa năng, VPB cung cấp toàn diện các giải pháp và dịch vụ tài chính bao gồm NH thương mại, chứng khoán, cho vay tiêu dùng, và bảo hiểm.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Những thông tin chính tại EV26: Kết quả nhìn chung đúng hướng

- VPB giữ nguyên kế hoạch năm 2026 và cho biết LNTT Ngân hàng mẹ trong Q2/2026 ước tính đạt 8 nghìn tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ, tương đương LNTT 6 tháng đầu năm 2026 có thể hoàn thành 47% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.
- Ngân hàng tái khẳng định mục tiêu tăng trưởng tín dụng đạt 35% (tích cực hơn dự báo của chúng tôi) và ước tính tỷ lệ NIM thu hẹp 30 điểm cơ bản so với cùng kỳ (tiêu cực hơn kỳ vọng của chúng tôi). Chất lượng tài sản vẫn đúng hướng so với kế hoạch nội bộ và BLĐ duy trì quan điểm tích cực.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua, VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1.08 lần, thấp hơn 19% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, định giá hấp dẫn trên cơ sở triển vọng của Ngân hàng. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 36.800đ (tiềm năng tăng giá: 39%).

Sự kiện: Hội nghị nhà đầu tư EV26

Tại hội nghị Emerging Vietnam 2026 do HSC tổ chức, VPB đã cập nhật về triển vọng kinh tế vĩ mô, KQKD và các ưu tiên chiến lược. BLĐ vẫn lạc quan về khả năng hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng tham vọng bất chấp môi trường lãi suất nhiều thách thức.

Triển vọng vĩ mô: Áp lực thanh khoản có thể hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2026

BLĐ cho rằng tình trạng thanh khoản căng thẳng hiện tại chủ yếu xuất phát từ nhu cầu vốn của các dự án hạ tầng quy mô lớn của Chính phủ, thay vì do hạn mức tín dụng cao được cấp cho các ngân hàng tham gia tái cấu trúc ngân hàng '0 đồng'.

Mặc dù lãi suất vẫn ở mức cao, BLĐ cho rằng lãi suất đã đạt đỉnh hoặc gần đạt đỉnh trong Q2/2026. Ngân hàng kỳ vọng lãi suất sẽ giảm dần kể từ Q3/2026.

BLĐ vẫn lạc quan về khả năng hoàn thành kế hoạch tăng trưởng LNTT

BLĐ đã đặt kế hoạch LNTT Ngân hàng mẹ theo từng quý trong năm 2026 lần lượt đạt 7-8-9-10 nghìn tỷ đồng. Sau khi ghi nhận LNTT đạt khoảng 7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026, Ngân hàng cho biết kết quả vẫn đi đúng hướng để hoàn thành kế hoạch 8 nghìn tỷ đồng cho Q2/2026 (tăng 44% so với mức nền thấp cùng kỳ). Như vậy, KQKD sơ bộ lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 có thể hoàn thành 47% dự báo cả năm 2026 – nhìn chung sát với dự báo.

Tiếp tục mở rộng bảng cân đối mạnh mẽ

Dù có những tin đồn trên thị trường về khả năng bị cắt hạn mức tín dụng, BLĐ cho biết chưa nhận được thông báo chính thức từ cơ quan quản lý và tái khẳng định cam kết đối với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 35% trong năm 2026. Ngân hàng chưa cung cấp số liệu cập nhật về tăng trưởng tín dụng và tiền gửi kể từ đầu năm.

Tỷ lệ NIM dự kiến tiếp tục chịu áp lực

BLĐ ước tính tỷ lệ NIM cả năm giảm khoảng 30 điểm cơ bản, phản ánh áp lực đến từ tốc độ tăng trưởng nhanh của bảng cân đối với chi phí huy động tăng. Tuy nhiên, lãi suất được kỳ vọng sẽ hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2026 và có thể hỗ trợ một phần cho tỷ suất lợi nhuận.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/6.

(Xem tiếp trang 2)

Chất lượng tài sản

Giữ nguyên mục tiêu về chất lượng tài sản

BLĐ cho biết chất lượng tài sản nhìn chung vẫn sát với kế hoạch nội bộ. Ngân hàng tiếp tục đặt kế hoạch tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5% ở cấp độ Ngân hàng mẹ và dưới 3% ở cấp độ hợp nhất. Kế hoạch chi phí tín dụng của Ngân hàng mẹ vẫn ở mức 1,5-1,8% cho năm 2026.

Hoạt động thu hồi nợ tạm thời bị ảnh hưởng bởi các thay đổi hành chính

BLĐ lưu ý rằng hoạt động thu hồi và xử lý nợ diễn ra chậm hơn dự kiến sau kỳ nghỉ Tết. Điều này một phần do những gián đoạn liên quan đến việc tái cơ cấu và sáp nhập đơn vị hành chính. Tuy nhiên, BLĐ kỳ vọng hoạt động thu hồi nợ sẽ cải thiện trong nửa cuối năm 2026 khi những tác động này dần qua đi.

Cập nhật về các công ty con

VPBS và FEC chậm hơn dự báo nhưng kỳ vọng nửa cuối năm khởi sắc hơn

VPBS (VPX; Chưa khuyến nghị) và FEC đều ghi nhận kết quả kém tích cực hơn dự báo trong nửa đầu năm 2026. Cụ thể:

- VPBS: Ngân hàng kỳ vọng có nhiều thương vụ hơn trong nửa cuối 2026, cải thiện hoạt động ngân hàng đầu tư.
- FEC: BLĐ nhấn mạnh chất lượng tài sản đang dần ổn định và tin rằng nửa cuối năm 2026 giải ngân sẽ mạnh mẽ hơn.

OPES tiếp tục là điểm sáng

BLĐ nhấn mạnh OPES - công ty con bảo hiểm phi nhân thọ số - là công ty con ghi nhận kết quả tốt nhất trong Tập đoàn. KQKD vẫn khả quan trong tháng 4 và tháng 5 nhờ tăng trưởng liên tục ở kênh phân phối số.

Tiếp tục đàm phán về phát hành riêng lẻ

BLĐ xác nhận rằng vẫn đang tiến hành thảo luận đối với thương vụ phát hành riêng lẻ 5% cho NĐT nước ngoài tiềm năng. Timeline sẽ linh hoạt, nhưng có khả năng hoàn tất được vào cuối năm 2026 hoặc đầu năm 2027. BLĐ cũng tái khẳng định cổ đông chiến lược SMBC sẽ được ưu tiên trong đợt phát hành riêng lẻ này.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua, VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,08 lần, thấp hơn 19% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, định giá hấp dẫn trên cơ sở triển vọng của Ngân hàng.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 36.800đ (tiềm năng tăng giá: 39%). Nhìn chung, tình hình của VPB vẫn sát với kỳ vọng của chúng tôi. Ngân hàng lạc quan về triển vọng tăng trưởng quy mô, chất lượng tài sản và đóng góp từ các công ty con để hỗ trợ các mục tiêu lợi nhuận.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	80.1	101	137	168	197
Chi phí lãi	(31.0)	(42.6)	(65.9)	(80.2)	(93.3)
Thu nhập lãi thuần	49.1	58.6	71.2	88.3	104
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.12	7.41	8.84	10.1	11.6
Lãi thuần HĐ KDNH	0.83	0.30	0.33	0.33	0.34
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.82	1.57	1.80	1.88	1.98
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.04	0.02	0.03	0.03
Thu nhập khác	5.38	6.51	6.44	8.38	9.36
Tổng thu nhập HĐ	62.2	74.5	88.6	109	127
Chi phí HĐ	(14.3)	(18.4)	(20.2)	(23.7)	(27.2)
LN trước dự phòng	47.9	56.0	68.4	85.3	100
Chi phí dự phòng	(27.9)	(25.4)	(30.4)	(37.1)	(39.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	20.0	30.6	38.0	48.2	60.2
Chi phí thuế TNDN	(4.03)	(6.27)	(7.59)	(9.65)	(12.0)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.21	0.36	1.42	1.83	2.13
Lợi nhuận thuần	15.8	24.0	28.9	36.8	46.0
EPS (đồng)	1,988	3,024	3,648	4,633	5,803
DPS (đồng)	1,000	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.15	2.77	7.29	12.5	16.7
Tiền gửi tại NHNN	14.3	13.6	16.0	20.8	23.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	135	186	248	272	299
Chứng khoán kinh doanh	13.1	24.0	37.1	40.8	44.9
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	677	928	1,164	1,499	1,724
Tổng dư nợ cho vay	694	945	1,185	1,525	1,753
Dự phòng rủi ro	(16.3)	(17.4)	(20.6)	(25.6)	(29.0)
Chứng khoán đầu tư	52.8	64.4	66.9	70.2	73.7
CK đầu tư sẵn sàng để bán	51.9	64.5	65.9	69.2	72.6
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0.99	0	1.05	1.05	1.05
Dự phòng rủi ro	(0.07)	(0.03)	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19
Tài sản cố định	2.02	2.03	2.12	2.24	2.37
Tài sản khác	27.3	39.1	41.6	44.9	48.9
Tổng tài sản	924	1,260	1,583	1,963	2,234
Nợ phải trả	777	1,080	1,376	1,721	1,945
Tiền gửi của NHNN	0.01	0.02	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	202	295	374	427	468
Tổng tiền gửi KH	486	628	797	1,035	1,190
Trái phiếu và CCTG	67.0	107	166	211	233
Nợ khác	22.1	48.7	38.3	45.3	51.0
Vốn chủ sở hữu	142	168	193	227	273
Vốn điều lệ	79.3	79.3	79.3	79.3	79.3
Thặng dư vốn cổ phần	24.0	24.0	24.0	24.0	24.0
Lợi nhuận giữ lại	24.0	46.0	67.1	95.0	135
Quỹ & vốn khác của CSH	14.6	18.6	22.8	28.2	35.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	5.37	12.4	13.8	15.6	16.2
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	924	1,260	1,583	1,963	2,234
BVPS (đồng)	17,886	21,163	24,357	28,555	34,437

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.0	36.4	25.7	24.0	13.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	22.3	36.3	25.3	28.7	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	9.79	29.3	26.8	30.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.7	33.0	31.0	29.5	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	5.40	18.3	15.1	17.2	20.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.6	19.5	21.4	24.0	17.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	2.86	28.5	9.82	16.9	14.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	33.8	16.9	22.1	24.8	17.3
Tăng trưởng LNTT (%)	85.2	53.1	23.9	27.1	24.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	58.1	52.1	20.7	27.0	25.3
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	7.15	6.82	6.23	6.15	6.06
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.65)	(1.69)	(1.42)	(1.33)	(1.30)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	96.6	96.9	97.1	97.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.27	2.59	2.93	3.44	1.96
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	54.8	81.6	96.8	121	149
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.3	8.73	7.24	5.70	4.55
P/B (lần)	1.48	1.25	1.08	0.92	0.77
Lợi suất cổ tức (%)	3.79	1.89	1.89	1.89	1.89

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	25.3	32.2	32.7	33.7	36.2
ROAA (%)	1.81	2.20	2.04	2.07	2.19
ROAE (%)	11.4	15.5	16.0	17.5	18.4
Chi phí huy động BQ (%)	4.42	4.77	5.57	5.33	5.23
Lợi suất góp BQ (%)	9.69	9.59	9.96	9.79	9.68
Lợi suất thuần (%)	5.27	4.82	4.39	4.46	4.45
Tỷ lệ NIM (%)	5.94	5.56	5.17	5.13	5.10
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.84	9.95	9.97	9.27	9.11
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	78.8	78.8	80.3	81.0	81.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	11.3	11.3	9.69	9.75	9.20
Tỷ lệ CIR (%)	23.0	24.8	22.8	21.7	21.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	50.3	16.5	13.7	10.8	8.62
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	15.5	14.3	12.8	11.8	12.2
VCSH/Tổng TS (%)	15.4	13.3	12.2	11.5	12.2
Đòn bẩy vốn (lần)	6.51	7.51	8.19	8.66	8.18
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.19	3.33	3.25	3.11	3.09
Hệ số LLR (%)	56.2	55.4	53.4	54.1	53.6
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	143	151	149	147	147
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.7	28.7	28.0	25.5	24.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	75.1	75.0	74.8	77.7	78.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	288	294	299	304	309
Số lượng nhân viên	27,428	28,768	30,206	31,717	65,019

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn